

Bản án số: **73/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/02/2025.

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Minh Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Hạnh

Ông Phạm Công Định

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 665/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Xuân Đ**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa S. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; Địa chỉ: KDC T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu D, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, anh Phạm Xuân Đ, trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/9/2010. Sau khi kết hôn, anh và chị A chỉ chung sống cùng nhau một thời gian ngắn thì anh đi lao động tại Cộng Hòa S. Thời gian đầu vợ chồng còn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng sau đó do xa cách lâu ngày, anh cũng không có điều kiện để đón chị A sang C Séc sinh sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Mặt khác thời gian chung sống và tìm hiểu giữa anh và chị A rất ngắn, nên chưa hiểu rõ về tính cách của nhau dẫn đến sau khi kết hôn vợ chồng anh chị xảy ra nhiều bất đồng, khác nhau về quan điểm sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

*Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Anh và chị Nguyễn Thị A không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của chị Nguyễn Thị A thể hiện: Chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn từ thời điểm anh Đ đi lao động nước ngoài, mỗi người một nơi nên không chia sẻ được với nhau về cuộc sống, tình cảm. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn, chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung chị và anh Đ không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Phạm Xuân Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị A; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Xuân Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị Anh. Anh Đ hiện đang sinh sống và lao động tại Cộng Hòa S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Anh Đ và chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn

cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ, chị A.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân Đ và chị Nguyễn Thị A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/9/2010. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị A chỉ chung sống cùng nhau một thời gian ngắn thì anh Đ đi lao động tại Cộng Hòa S. Thời gian đầu vợ chồng còn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng sau đó do xa cách lâu ngày, anh cũng không có điều kiện để đón chị A sang C Séc sinh sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Mặt khác thời gian chung sống và tìm hiểu giữa anh và chị A rất ngắn nên chưa hiểu rõ tính cách của nhau dẫn đến sau khi kết hôn vợ chồng anh chị xảy ra nhiều bất đồng, khác nhau về quan điểm sống. Anh Đ và chị A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị A không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho anh Đ được ly hôn chị A là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị A không có nên không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Phạm Xuân Đ** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Anh**.

2. Về án phí: Anh Phạm Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005396 ngày 06/12/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, anh Phạm Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

30 ngày. Thời gian kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Sao Đỏ, TP Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**NGUYỄN MINH TÂN**